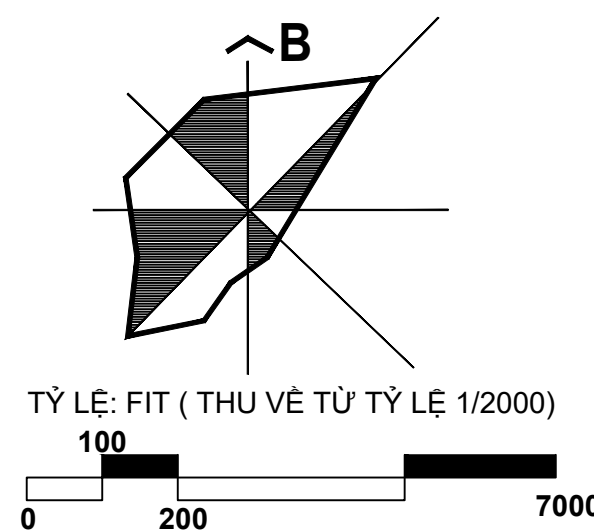
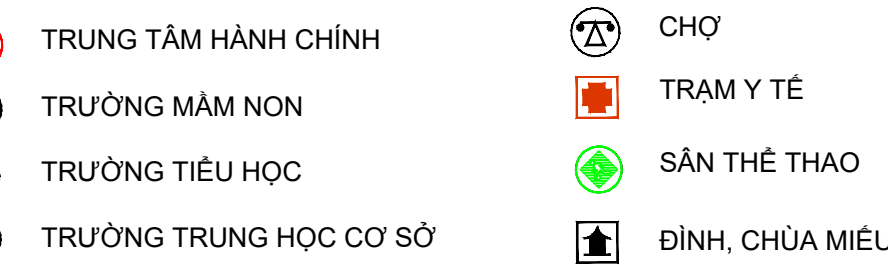


ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THỐNG NHẤT, TỈNH GIA LAI



KÍ HIỆU

**HIỆU CÔNG TRÌNH**

DIỆN TÍCH ————— 0,92 ————— TẦNG CAO

MĐXD ————— 3,0 ————— HỆ SỐ SĐB

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỐNG NHẤT

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỐNG NHẤT

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ.....

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

**ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG
PHƯỜNG THÔNG NHẤT, PHƯỜNG HOA LƯ VÀ MỘT PHẦN
PHƯỜNG ĐÔNG ĐÀ, THÀNH PHỐ PLEIKU,
TỈNH GIA LAI**

TÊN BẢN VẼ:

**BẢN VẼ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

BẢN VẼ:	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: FIT 1A0	NGÀY: 08-12-2025

THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP
----------	---------------------------

CHỦ TRÌ	KTS. ĐẶNG THỊ THANH QUYỀN
---------	---------------------------

CHỦ NHIỆM	KTS. ĐANG THI THANH QUYỀN
-----------	---------------------------

Ông/Nhà	Khu vực thị trường
...	...

TRƯỞNG PHÒNG	KTS. VÔ NGUYỄN ĐÌNH DUY
--------------	-------------------------

QL.KỸ THUẬT KTS. PHẠM KHÁNH THUẦN

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

GIAM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ.

PHẠM KHÁNH THUẬN

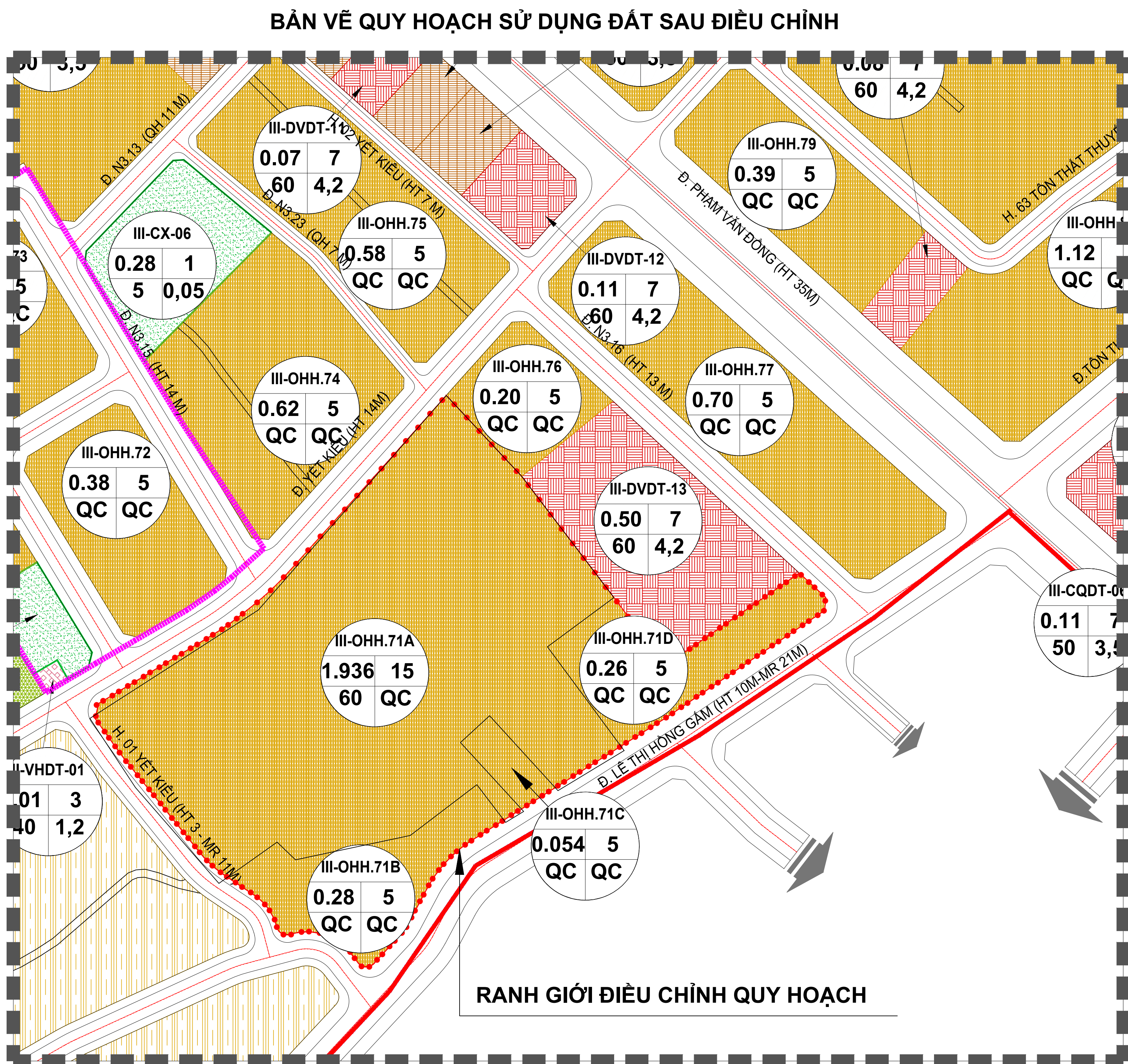
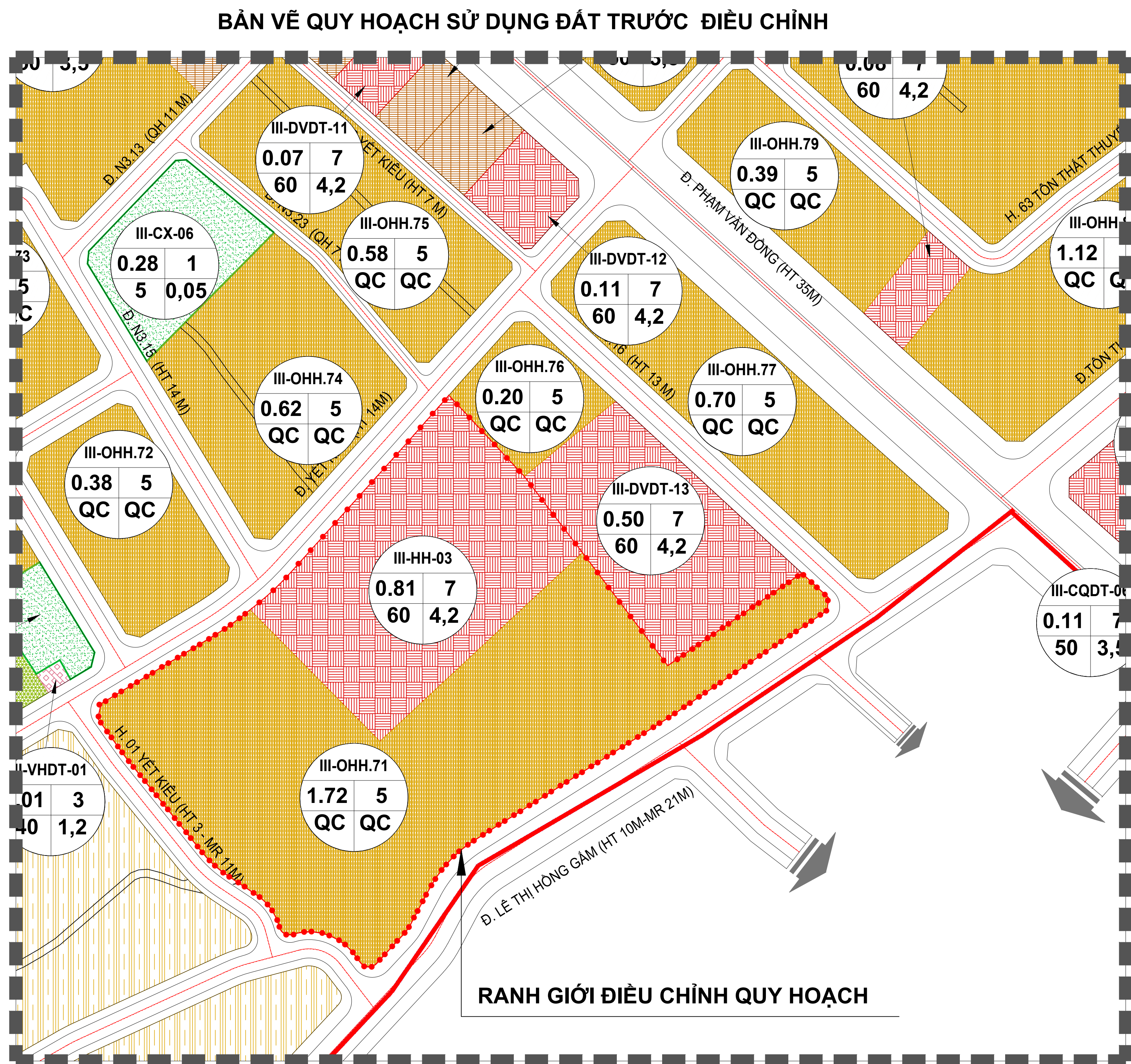
CÔNG TY TNHH ANH D

CONG TY TNHH AN+ D

ĐỊA CHỈ: 71/3 TRẦN ĐÌNH NGHĨA, P. THUNG NHẤT, TỈNH
SĐT: 0906380268

TÊN CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG PHƯƠNG THỐNG NHẤT, PHƯƠNG

TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG CƠ CẤU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH PHÂN KHU

TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH														SAU ĐIỀU CHỈNH														Tăng/ Giảm
STT	CHỨC NĂNG	TIỀN THU 1		TIỀN THU 2		TIỀN THU 3		TIỀN THU 4		TIỀN THU 5		TIỀN THU 1		TIỀN THU 2		TIỀN THU 3		TIỀN THU 4		TIỀN THU 5								
		ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ	ĐIỀU CHỈNH	TỶ LỆ							
* Phụ vụ kỹ thuật đặc biệt của Bộ Công an được hưởng lương khác biệt thời kỳ 2021-2030, cần thêm chi 3050 thuế phần thu																						17,66						
(1)	PHÂN TÍCH VÀ LẤY CẢ PHÂN KINH																				230,78	1,07181	83,24					
(A)	BẮT DẠNG ĐƠN	188,87	96,33	190,20	59,9	226,30	50,01	234,10	82,34	60,25	188,87	96,33	190,20	59,91	226,30	50,01	234,10	82,34	60,25	188,87	96,33	230,78	1,07181	83,24				
1	BẮT DẠNG ĐƠN	183,78	77,76	127,04	40,0	198,08	79,46	19,07	8,17	499,87	38,24	183,78	77,76	127,04	40,02	198,08	79,46	19,07	8,17	499,87	38,24	183,78	77,76	127,04	40,02			
2	Đi thu tiền phạt	518,49	69,38	164,42	26,6	147,76	4,77	363,42	0,00	118,49	60,25	518,49	69,38	164,42	26,6	147,76	4,77	363,42	0,00	118,49	60,25	518,49	69,38	164,42	26,6			
3	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	108,69	54,95	62,16	19,6	120,69	5,18	14,75	4,77	25,13	108,69	54,95	62,16	19,62	120,69	5,18	14,75	4,77	25,13	108,69	54,95	62,16	19,62	120,69	5,18			
4	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	9,80	4,95	21,00	6,6	7,34	3,08	0,00	0,00	38,54	2,96	9,80	4,95	21,00	6,62	7,34	3,08	0,00	0,00	38,54	2,96	9,80	4,95	21,00	6,62			
5	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			
6	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	3,11	1,57	4,29	1,4	5,06	2,01	0,04	0,01	12,50	0,96	3,11	1,57	4,29	1,35	5,06	2,01	0,04	0,01	12,50	0,96	3,11	1,57	4,29	1,35			
7	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	188,98	9,87	0,23	0,7	3,47	1,38	0,00	0,00	43,7	1,88	188,98	9,87	0,23	0,68	3,47	1,38	0,00	0,00	43,7	1,88	188,98	9,87	0,23	0,68			
8	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,80	0,40	1,46	0,58	0,49	0,19	0,00	0,00	2,79	0,89	0,80	0,40	1,46	0,57	0,49	0,19	0,00	0,00	2,79	0,89	0,80	0,40	1,46	0,57			
9	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	7,08	5,55	0,63	0,2	0,91	0,38	0,06	0,00	2,62	0,20	7,08	5,55	0,63	0,20	0,91	0,38	0,06	0,00	2,62	0,20	7,08	5,55	0,63	0,20			
10	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	1,00	0,50	0,00	0,00	0,44	0,22	0,00	0,00	1,22	0,50	1,00	0,50	0,00	0,44	0,22	0,00	0,00	1,22	0,50	1,00	0,50	0,00	0,44	0,22			
11	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	0,19	0,10	0,00	0,00	0,00	0,00	0,25	0,02	0,00	0,00	0,19	0,10	0,00	0,00	0,00	0,25	0,02	0,00	0,00	0,19	0,10	0,00			
12	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	0,33	0,16	0,16	0,06	0,00	0,00	0,49	0,04	0,00	0,00	0,33	0,16	0,16	0,06	0,00	0,00	0,49	0,04	0,00	0,00	0,33	0,16			
13	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	0,62	0,22	0,22	0,11	0,00	0,00	0,84	0,08	0,00	0,00	0,62	0,22	0,22	0,11	0,00	0,00	0,84	0,08	0,00	0,00	0,62	0,22			
14	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,60	0,30	0,00	0,00	0,58	0,23	0,04	0,01	1,22	0,09	0,60	0,30	0,00	0,00	0,58	0,23	0,04	0,01	1,22	0,09	0,60	0,30	0,00	0,00			
15	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,83	0,32	0,00	0,00	0,37	0,15	0,00	0,00	0,88	0,83	0,32	0,00	0,00	0,37	0,15	0,00	0,00	0,88	0,83	0,32	0,00	0,00	0,37	0,15			
16	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	1,38	0,62	1,06	0,38	1,22	0,32	0,00	0,00	1,32	0,78	1,38	0,62	1,06	0,38	1,22	0,32	0,00	0,00	1,32	0,78	1,38	0,62	1,06	0,38			
17	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	30,82	15,88	24,09	7,6	52,02	26,69	3,67	1,16	110,53	4,46	30,82	15,88	24,09	7,6	52,02	26,69	3,67	1,16	110,53	4,46	30,82	15,88	24,09	7,6			
(B)	BẮT DẠNG ĐƠN VỊ	34,78	17,59	61,36	19,9	26,52	10,56	6,20	2,03	103,74	10,01	34,78	17,59	61,36	19,90	26,52	10,56	6,20	2,03	103,74	10,01	34,78	17,59	61,36	19,90			
1	Đi thu tiền phạt	4,52	3,23	2,39	6,43	2,56	0,00	0,00	24,76	1,09	8,94	4,52	3,23	2,34	6,43	2,56	0,00	0,00	24,76	1,09	8,94	4,52	3,23	2,34	6,43			
2	Đi thu tiền chi, dựa trên nguyên tắc của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	2,90	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2,90	0,22	0,00	0,00	2,90	0,91	0,00	0,00	0,00	2,90	0,22	0,00	0,00	2,90	0,91	0,00			
3	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị (phạm vi thu chi khác, không tính...)	3,35	1,79	3,64	1,11	0,01	0,00	0,00	0,00	7,20	0,45	3,35	1,79	3,64	1,15	0,01	0,00	0,00	7,20	0,45	3,35	1,79	3,64	1,15	0,01			
4	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị (phạm vi thu chi khác, không tính...)	1,84	0,93	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1,84	0,00	1,84	0,93	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1,84	0,00	1,84	0,93	0,00	0,00	0,00			
5	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị (thu khác nhau, xin phép, TMDV...)	3,54	1,71	2,79	0,98	2,38	0,98	0,00	0,00	12,32	0,94	3,55	1,79	2,79	0,88	2,38	0,98	0,00	0,00	12,32	0,94	3,55	1,79	2,79	0,88			
6	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	0,00	0,04	0,18	0,00	0,00	0,04	0,63	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,04	0,18	0,00	0,04	0,63	0,00	0,00	0,00	0,00	0,04			
7	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị (thu khác nhau, xin phép, TMDV...)	2,24	0,99	9,7	10,64	4,24	0,01	0,00	0,76	4,70	0,01	2,24	0,99	9,7	10,64	4,24	0,01	0,00	0,76	4,70	0,01	2,24	0,99	9,7	10,64	4,24		
8	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,64	0,32	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,64	0,55	0,64	0,32	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,64	0,55	0,64	0,32	0,00	0,00	0,00			
9	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	20,45	10,34	22,99	7,4	37,49	16,39	4,53	1,46	67,39	4,09	20,45	10,34	22,99	7,24	37,49	16,39	4,53	1,46	67,39	4,09	20,45	10,34	22,99	7,24			
10	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	19,88	10,05	19,45	5,8	17,0	2,82	3,12	1,01	48,55	3,72	19,88	10,05	19,45	5,81	17,0	2,82	3,12	1,01	48,55	3,72	19,88	10,05	19,45	5,81			
11	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,57	0,29	4,54	1,14	233	0,93	1,40	0,45	8,84	0,68	0,57	0,29	4,54	1,13	233	0,93	1,40	0,45	8,84	0,68	0,57	0,29	4,54	1,13			
12	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	2,28	1,19	2,31	0,87	0,00	0,00	2,28	1,19	2,31	0,87	2,28	1,19	2,31	0,87	2,28	1,19	2,31	0,87	2,28	1,19	2,31	0,87	2,28	1,19			
13	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,78	0,39	0,36	0,1	0,38	0,15	0,00	0,00	1,82	0,12	0,78	0,39	0,36	0,11	0,38	0,15	0,00	0,00	1,82	0,12	0,78	0,39	0,36	0,11			
14	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,92	0,47	0,00	0,00	0,00	0,00	29,975	87,26	20,977	20,72	0,92	0,47	0,00	0,00	0,00	0,00	29,975	87,26	20,977	20,72	0,92	0,47	0,00	0,00			
15	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,78	0,39	0,15	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,78	0,39	0,15	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,78	0,39	0,15	0,05			
16	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,13	0,07	0,00	0,00	0,00	0,00	3,85	1,53	0,00	3,88	0,30	0,13	0,07	0,00	0,00	0,00	3,85	1,53	0,00	3,88	0,30	0,13	0,07	0,00			
17	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	23,13	7,3	2,00	0,86	10,23	3,31	38,26	2,71	0,00	0,00	23,13	7,29	2,00	0,86	10,23	3,31	38,26	2,71	0,00	0,00	23,13	7,29			
18	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	0,33	0,03	0,00	0,00	0,33	0,03	0,33	0,03	0,00	0,00	0,33	0,03	0,00	0,00	0,33	0,03	0,33	0,03	0,00	0,00	0,33	0,03			
19	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	6,64	3,36	10,037	32,5	15,74	6,26	3,82	1,24	12,227	9,89	6,64	3,36	10,037	32,47	15,74	6,26	3,82	1,24	12,227	9,89	6,64	3,36	10,037	32,47			
20	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	2,64	1,36	2,64	1,04	2,64	1,04	2,64	1,04	2,64	1,04	2,64	1,36	2,64	1,04	2,64	1,04	2,64	1,36	2,64	1,04	2,64	1,36	2,64	1,04			
21	Đi thu tiền chi của cơ quan, đơn vị	0,00	0,00	71,89	24,2	8,90	3,54	0,00	0,00	85,79	6,87	0,00	0,00	76,89	24,22	8,90	3,54	0,00	0,00	85,79	6,87	0,00	0,00	76,89	24,22			
(C)	TỔNG CỘNG	197,80	100,00	378,45	100,00	251,42	100,00	309,14	100,00	1306,59	100,00	197,80	100,00	378,45	100,00	251,42	100,00	309,14	100,00	1306,59	100,00	197,80	100,00	378,45	100,00			
(D)	QUY MÔ HẠNH LẠC (CÁI LẠC TRẠNG)	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70	15,40	7,70			

BẢNG CƠ CẤU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH					
Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích	MDXD tối đa	Hệ số SDD tối đa	Tầng cao tối đa
		(m ²)	(%)	(lần)	(tầng)
III-HH-03	Đất hỗn hợp	8100	60	4,2	7
III-OHH-71	Đất ở hiện trạng	17207	QC	QC	5
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH					
Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích	MDXD tối đa	Hệ số SDD tối đa	Tầng cao tối đa
		(m ²)	(%)	(lần)	(tầng)
III-OHH-71A	Đất ở mới	19367	60	QC	15
III-OHH-71B	Đất ở hiện trạng	2800	QC	QC	5
III-OHH-71C	Đất ở hiện trạng	2600	QC	QC	5
III-OHH-71D	Đất ở hiện trạng	540	QC	QC	5

TÊN CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG PHƯƠNG THÔNG NHẤT, PHƯƠNG HOA LƯ VÀ MỘT PHẦN PHƯỜNG

TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT